

Nguyễn Phi Long

Chuyên viên phân tích

Long.nguyenphi@mbs.com.vn**Hoàng Công Tuấn**

Trưởng bộ phận kinh tế

Tuan.hoangcong@mbs.com.vn

NHNN bơm ròng 20 nghìn tỷ đồng trên thị trường mở nửa đầu tháng 06. Chiến tranh thương mại tiếp tục gây ra nhiều biến động trên thị trường ngoại hối. Lợi suất giảm từ 2-10 điểm cơ bản trên thị trường TPCP sơ cấp. Giao dịch Repo đạt 4.400 tỷ đồng/ngày, chiếm 60% thanh khoản trên thị trường TPCP thứ cấp. Quy mô thị trường TPDN đã tăng trưởng gần 03 lần trong 04 năm, từ đầu năm đến nay các doanh nghiệp đã phát hành gần 60 nghìn tỷ TPDN, trong đó lĩnh vực tài chính chiếm đến 72%.

Thị Trường Tiền Tệ**NHNN bơm ròng 20 nghìn tỷ đồng trên thị trường mở nửa đầu tháng 06**

Đầu tháng 06, NHNN phát hành 135 nghìn tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 7 ngày, lãi suất 3%/năm, trong khi đó, có 155 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, như vậy NHNN đã bơm ròng 20 nghìn tỷ qua kênh tín phiếu. Kênh OMO không có phát sinh giao dịch và duy trì số dư bằng 0. Nhìn chung, NHNN đã bơm ròng 20 nghìn tỷ đồng trên thị trường mở, như vậy hút ròng khỏi hệ thống ngân hàng 141 nghìn tỷ qua kênh tín phiếu và OMO từ đầu năm đến nay.

Lãi suất liên ngân hàng tăng lần lượt 17,5 và 12,5 điểm cơ bản tại kỳ hạn qua đêm và kỳ hạn 1 tuần, lần lượt ở mức 2,98% và 3,1%/năm. Kỳ hạn 2 tuần và 1 tháng tăng nhẹ 2,5 và 7,5 điểm cơ bản lên mức 3,15% và 3,3%/năm.

Thuật ngữ viết tắt:

TPCP: Trái phiếu chính phủ

NSNN: Ngân sách nhà nước

NHNN: Ngân hàng nhà nước

NHTM: Ngân hàng thương mại

KBNN: Kho bạc nhà nước

GTGD: Giá trị giao dịch

NĐTNN: Nhà đầu tư nước ngoài

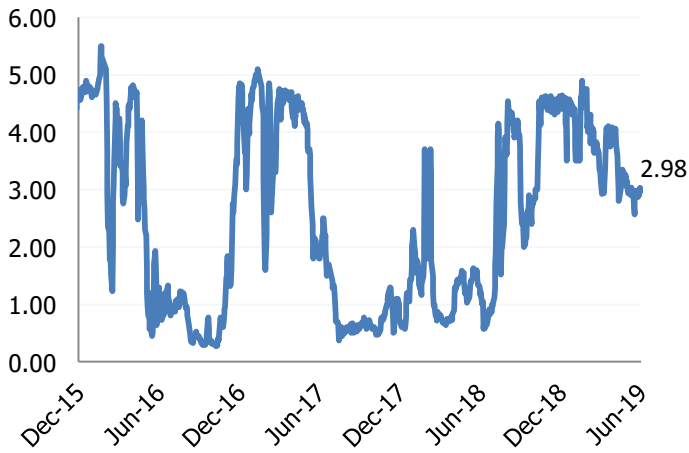
TCTD: Tổ chức tín dụng

Chiến tranh thương mại gây ra nhiều biến động trên thị trường ngoại hối

Sau khi tăng trên 200 đồng từ mức 23.200 đồng lên trên vùng 23.400 đồng/USD (+0,95%) trong tháng 05, giá bán USD tại Vietcombank có lúc tiến sát vùng 23.500 đồng, hiện nay đã giảm trên 100 đồng về mức 23.385 đồng/USD và mua vào ở mức 23.265 đồng. Giá giao dịch USD trên thị trường tự do cũng đã giảm về vùng 23.320 đồng/USD.

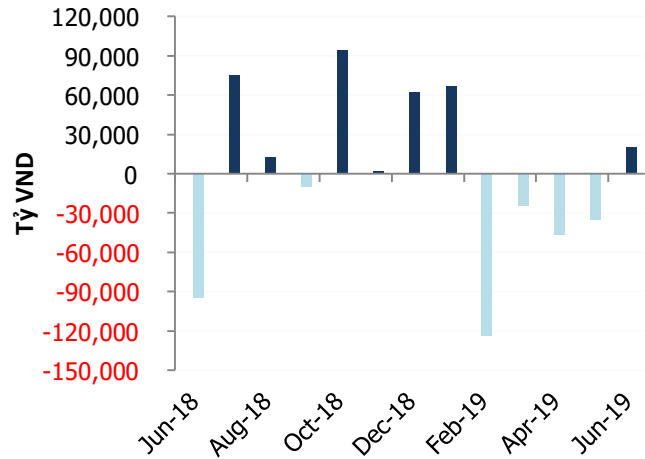
Nguyên nhân biến động tỷ giá do Mỹ nâng thuế nhập khẩu hàng hoá của Trung Quốc từ 10% lên 25% khiến đồng NDT giảm mạnh 3,55% từ cuối tháng 04, trong khi Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam - kim ngạch thương mại song phương với Trung Quốc chiếm gần 1/4 tổng kim ngạch XNK của Việt Nam. Đồng NDT hiện đang giao dịch ở mức 6.925 CNY/USD, gần sát ngưỡng tâm lý 7 NDT/USD. Leo thang căng thẳng thương mại sẽ tiếp tục tạo áp lực lên đồng NDT gây biến động tỷ giá VND/USD, tuy nhiên với dự trữ ngoại hối trên 3.100 tỷ USD, NHTW Trung Quốc PBOC có thể sẽ can thiệp để hỗ trợ nếu đồng NDT biến động mạnh.

Hình 1. Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)



Nguồn: Bloomberg.

Hình 2. Thanh khoản thị trường mở (Bơm Ròng)



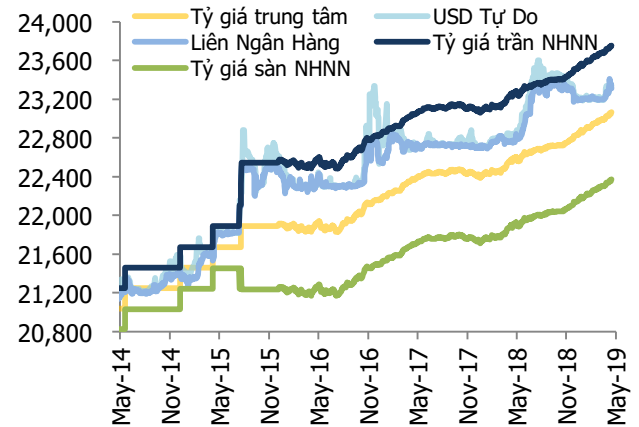
Nguồn: NHNN, MBS.

Hình 3. Lãi suất liên ngân hàng

| | Qua đêm | 1 Tuần | 2 Tuần | 1 Tháng |
|-------|---------|--------|--------|---------|
| 29/03 | 4,00 | 4,03 | 4,07 | 4,17 |
| 26/04 | 2,84 | 3,01 | 3,27 | 3,48 |
| 31/05 | 2,80 | 2,98 | 3,18 | 3,38 |
| 14/06 | 2,98 | 3,1 | 3,15 | 3,30 |
| (%) | | | | |

Nguồn: Bloomberg.

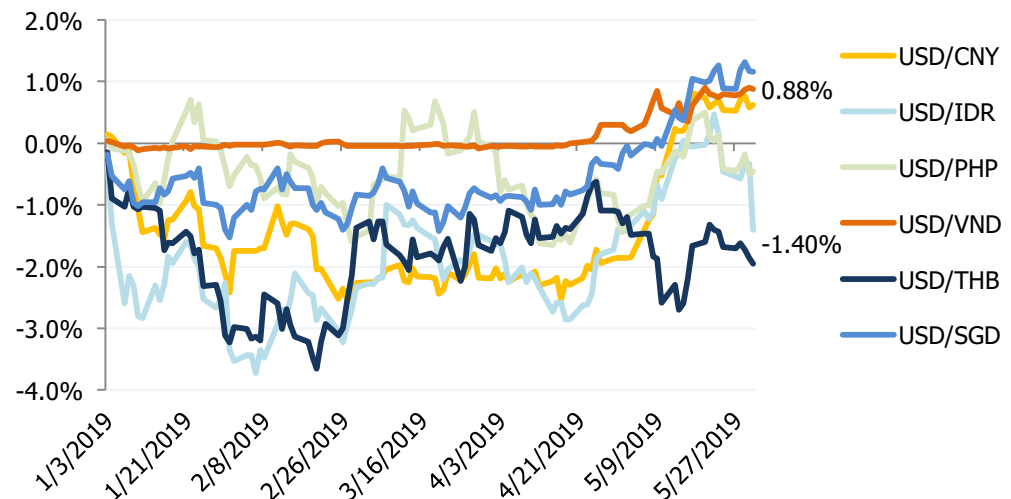
Hình 4. Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Bloomberg.

Hình 5. Tỷ giá một số đồng tiền trong khu vực so với USD

Nguồn: Bloomberg.



Thị Trường Trái Phiếu Chính Phủ

Thị trường sơ cấp

Lợi suất tiếp tục giảm từ 2-10 điểm cơ bản trên thị trường sơ cấp

KBNN không gọi thầu TPCP kỳ hạn 5N trong nửa đầu tháng 06, TPCP kỳ hạn 7N không có TP nào trúng thầu trong số 500 tỷ đồng chào bán. Các kỳ hạn dài trên 10N đều có tỷ lệ trúng thầu cao, kỳ hạn 15N, 20N, 30N đều có tỷ lệ trúng thầu 100%, với tổng giá trị trúng thầu là 6.700 tỷ đồng. Như vậy, TPCP kỳ hạn dài tiếp tục thu hút nhà đầu tư như NHTM, bảo hiểm nhân thọ dù lợi suất tiếp tục giảm. Lợi suất giảm từ 2-3 điểm cơ bản (kỳ hạn 10N, 15N và 30N) và giảm mạnh 6-10 điểm cơ bản ở kỳ hạn 20N (lợi suất trúng thầu là 5,58% - 5,63%). Lợi suất trúng thầu TPCP kỳ hạn 10N, 15N và 30N lần lượt ở mức 4,67%, 5,02-5,03% và 5,85%. Tỷ lệ trúng thầu TPCP 2 tuần đầu tháng 06 hồi phục mạnh lên mức 92% sau 4 tháng dao động quanh mức 50 - 60%.

Thị trường thứ cấp

Giao dịch Repo đạt 4.400 tỷ đồng/ngày, chiếm 60% thanh khoản

Tổng GTGD trên thị trường thứ cấp đạt 73,4 nghìn tỷ đồng, trong đó giao dịch repo chiếm 60% đạt 43,7 nghìn tỷ đồng, còn lại là 29,7 nghìn tỷ đồng giao dịch outright. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với tháng 05 xuống mức 7.300 tỷ đồng/ngày. Khối lượng giao dịch Outrights giảm 25% so với tháng trước, đạt 2,9 nghìn tỷ/ngày. Giao dịch Repo tăng 7%, GTGD trung bình ngày là 4.400 tỷ đồng.

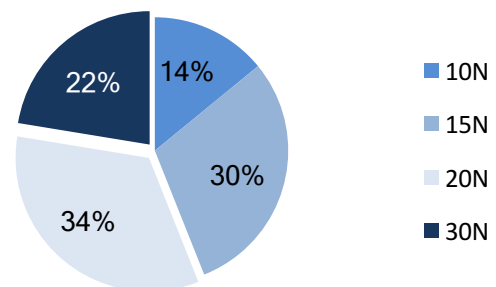
Mặt bằng lợi tức giảm ở các kỳ hạn 1N, 7N, 10N và 15N trong khi lợi suất các kỳ hạn 2N, 3N và 5N tăng nhẹ so với tháng 05. Lợi suất kỳ hạn 7N, 10N và 15N giảm lần lượt 14 và 5bps xuống mức 4,15%, 4,7% và 5,05%/năm. Lợi suất kỳ hạn 1N giảm 6bps xuống 3,2%/năm, trong khi kỳ hạn 2N, 3N tăng 4 điểm cơ bản lên 3,5%, 3,65%, kỳ hạn 5N tăng 5bps lên mức 3,9%/năm. Chênh lệch lợi suất kỳ hạn 2N và 10N giảm 9 điểm cơ bản so với cuối tháng 05, xuống 120 điểm cơ bản.

Hình 6. Kết quả đấu thầu TPCP tháng 06/2019

| Kỳ hạn | Giá trị chào bán | Giá trị trúng thầu | Tỷ lệ trúng thầu | Lợi suất |
|-------------|------------------|--------------------|------------------|------------------------|
| 5N | 0 | 0 | 0% | 0% |
| 7N | 500 | 0 | 0% | 0% |
| 10N | 1.000 | 942 | 94% | 4,67% |
| 15N | 2.000 | 2.000 | 100% | 5,02% - 5,03% |
| 20N | 2.250 | 2.250 | 100% | 5,58% - 5,63% |
| 30N | 1.500 | 1.500 | 100% | 5,85% |
| Tổng | 7.250 | 6.692 | 92% | Đơn vị: tỷ đồng |

Nguồn: HNX, MBS.

Hình 7. Tỷ trọng TPCP trúng thầu T06/2019



Nguồn: HNX, MBS.

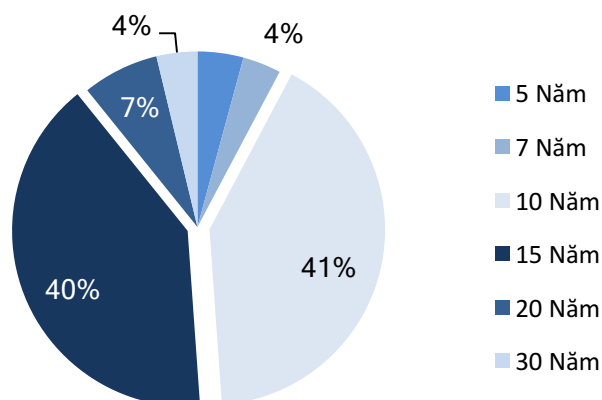
Hình 8. Kế hoạch phát hành TPCP năm 2019

Đơn vị: tỷ đồng

| Kỳ hạn | Kế hoạch Q1/2019 | Kế hoạch Q2/2019 | Kế hoạch 2019 | Đã phát hành trong Q1 | Đã phát hành trong Q2 | % Kế hoạch Q2 | % Kế hoạch năm YTD |
|-------------|------------------|------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|---------------|--------------------|
| 5 Năm | 7.000 | 10.000 | 40.000 | 4.150 | 106 | 1% | 11% |
| 7 Năm | 5.500 | 5.000 | 30.000 | 3.350 | 200 | 4% | 12% |
| 10 Năm | 30.000 | 26.000 | 70.000 | 31.180 | 10.212 | 39% | 59% |
| 15 Năm | 26.000 | 30.000 | 78.000 | 28.205 | 12.400 | 41% | 52% |
| 20 Năm | 3.000 | 5.000 | 20.000 | 1.749 | 5.336 | 107% | 35% |
| 30 Năm | 2.000 | 4.000 | 22.000 | 835 | 2.950 | 74% | 17% |
| Tổng | 73.500 | 80.000 | 260.000 | 69.469 | 31.204 | 39% | 39% |

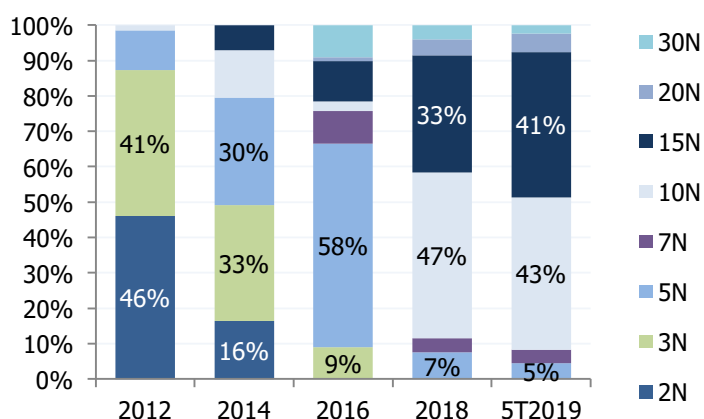
Nguồn: KBNN, HNX, MBS.

Hình 9. Tỷ trọng TPCP trúng thầu từ đầu năm đến 15/06



Nguồn: KBNN, HNX, MBS.

Hình 10. Tỷ trọng TPCP trúng thầu qua các năm



Nguồn: HNX, MBS.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng sang tháng thứ 8 liên tiếp kể từ tháng 11/2018 trên thị trường trái phiếu thứ cấp với quy mô mua ròng 778 tỷ đồng nửa đầu tháng 06. Nhà đầu tư nước ngoài đã mua ròng trên 10 nghìn tỷ đồng từ cuối năm ngoái, tính từ đầu năm tới nay khối này đã mua ròng gần 8 nghìn tỷ.

Thị trường cho rằng xác suất Fed giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 09 năm nay là 95% và rủi ro Mỹ Trung không đạt được thoả thuận chấm dứt chiến tranh thương mại khiến nhà đầu tư tìm đến các tài sản an toàn làm lợi suất TPCP 10N của Mỹ giảm mạnh trên 40 điểm cơ bản từ mức 2,5% đầu tháng 05 xuống mức 2,1%/năm.

NHTW nhiều nước trên thế giới cũng điều chỉnh chính sách tiền tệ trong thời gian vừa qua trước kỳ vọng Fed thay đổi xu hướng chính sách trong năm nay. Ngày 6/6, chủ tịch NHTW châu Âu (ECB) Mario Draghi tuyên bố dừng việc tăng lãi suất cho tới giữa năm 2020 do những quan ngại về vấn đề thương mại toàn cầu tác động tiêu cực đến kinh tế khu vực chung EU. TPCP 10N của Đức đã rơi xuống mức thấp nhất lịch sử -0,24%/năm, đồng nghĩa với việc nhà đầu tư sẽ mất tiền nếu giữ trái phiếu này đến ngày đáo hạn.

NHTW nhiều nước kinh tế mới nổi cũng hạ lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế trước triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới suy yếu: NHTW Malaysia hạ 25 điểm cơ bản lãi suất xuống mức 3%/năm, Philippines giảm 25 điểm cơ bản xuống 4,5%, NHTW Ấn Độ cắt giảm 25 điểm cơ bản. Ngày 14/6, NHTW Nga hạ lãi suất từ 7,75% xuống 7,5%/năm và kỳ vọng sẽ có 2 đợt cắt giảm nữa từ giờ tới cuối năm.

Hình 11. Lợi suất TPCP 10N tại một số quốc gia

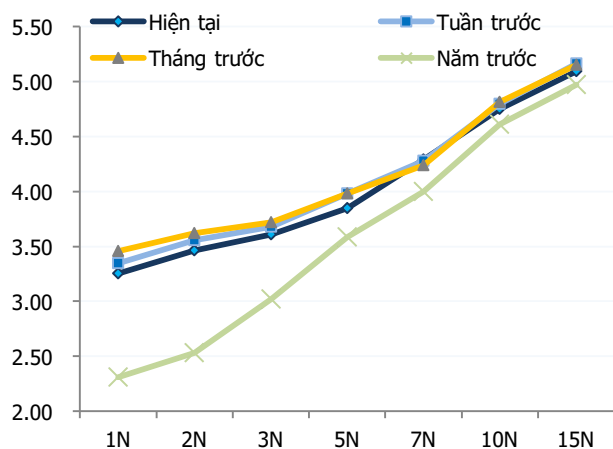
Tính đến ngày 15/06/2019

*Số điểm cơ bản thay đổi so với hiện tại

| Thị Trường | Hiện Tại* | Hôm Qua* | Tuần Trước* | 1/1/19 |
|-----------------|-------------|-------------|-------------|--------------|
| Mỹ | 2.08 | -1.41 | -0.1 | -60.4 |
| EU | -0.25 | -1.41 | 0.2 | -49.7 |
| Nhật Bản | -0.13 | -1.60 | -0.9 | -13.2 |
| Trung Quốc | 3.27 | -0.60 | 1.5 | 9.1 |
| Hàn Quốc | 1.59 | -4.00 | -6.8 | -36.3 |
| Ấn Độ | 6.92 | -9.00 | -5.5 | -49.9 |
| Malaysia | 3.71 | -1.80 | 4.2 | -35.1 |
| Singapore | 1.99 | -1.80 | -7.9 | -6.7 |
| Indonesia | 7.68 | -1.40 | -28.1 | -36.6 |
| Philippines | 2.92 | -4.00 | -2.2 | -97.6 |
| Thái Lan | 2.18 | -4.20 | -14.8 | -38.2 |
| Việt Nam | 4.70 | 0.00 | 0.0 | -43.8 |

Nguồn: Bloomberg.

Hình 12. Lợi suất TPCP (%)



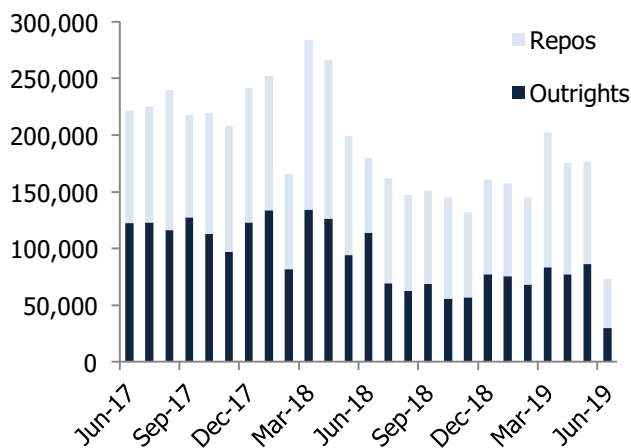
Nguồn: Bloomberg.

Hình 13. Chênh lệch lợi suất TPCP VN 2N và 10N (bps)



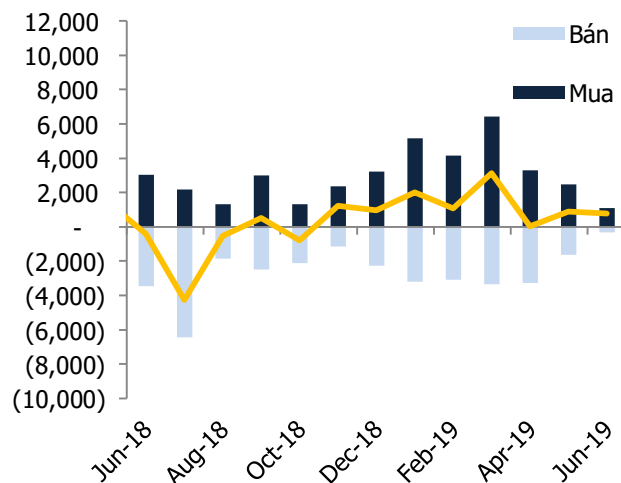
Nguồn: Bloomberg.

Hình 14. GTGD Outrights và Repos trên thị trường thứ cấp



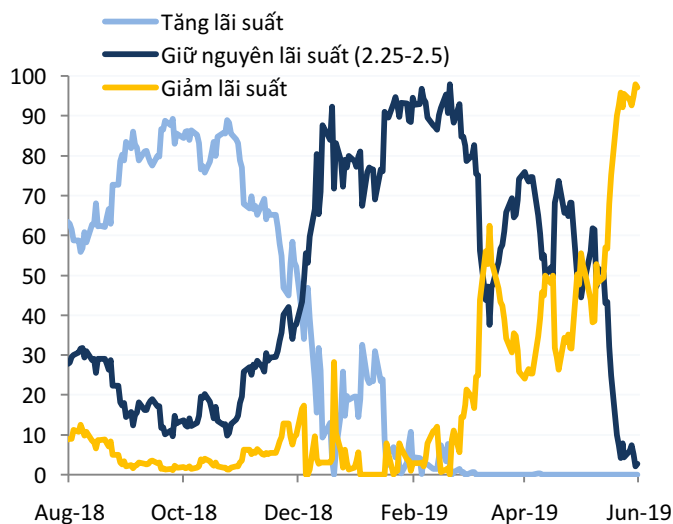
Nguồn: HNX.

Hình 15. Giao dịch khối ngoại trên thị trường thứ cấp



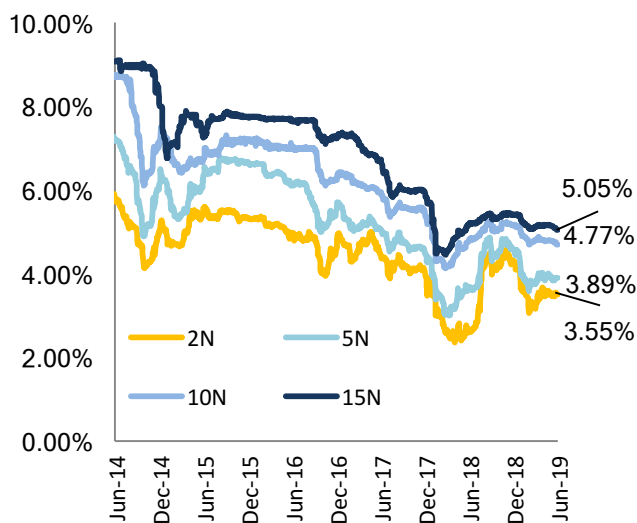
Nguồn: HNX.

Hình 16. Xác suất Fed giảm lãi suất trong kỳ họp tháng 09



Nguồn: Bloomberg.

Hình 17. Đường cong lợi suất TPCP - TT thứ cấp



Nguồn: Bloomberg.

Thị Trường Trái Phiếu Doanh Nghiệp

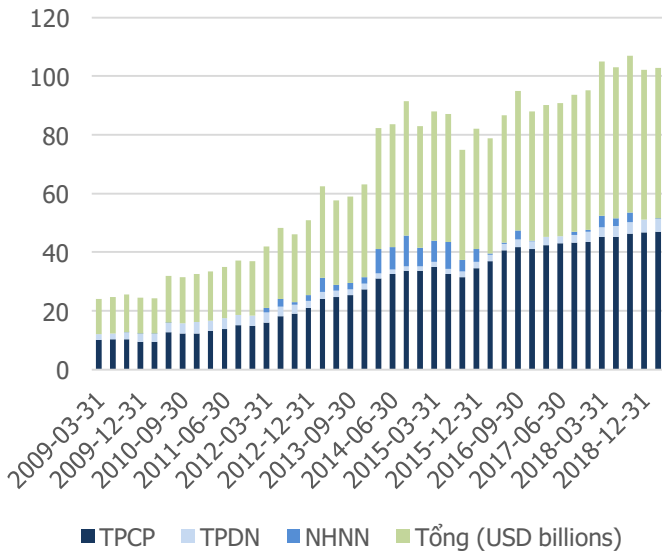
Từ đầu năm đến nay, có gần 60 nghìn tỷ đồng TPDN được phát hành, trong đó nhóm ngành tài chính như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản chiếm tỷ trọng 72%. Nhóm ngành ngân hàng phát hành 18,2 nghìn tỷ đồng, trong đó VPB phát hành 5.900 tỷ, chiếm đến 32%, kỳ hạn 3 năm, lãi suất cố định từ 6,4% - 6,9%.

Nhóm ngành bất động sản, xây dựng, hạ tầng đứng thứ hai về lượng trái phiếu phát hành với 17 nghìn tỷ đồng, chiếm 30% tổng lượng TPDN phát hành từ đầu năm. Đây là nhóm ngành có mức lãi suất coupon cao nhất, phổ biến trên 10%/năm, cao nhất là trái phiếu của Phát Đạt với mức lãi suất coupon lên đến 14,5%/năm. TPDN của các doanh nghiệp BĐS, xây dựng thường

có tài sản đảm bảo dưới dạng quyền sử dụng đất, có kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm (CII), phổ biến là kỳ hạn 2 năm.

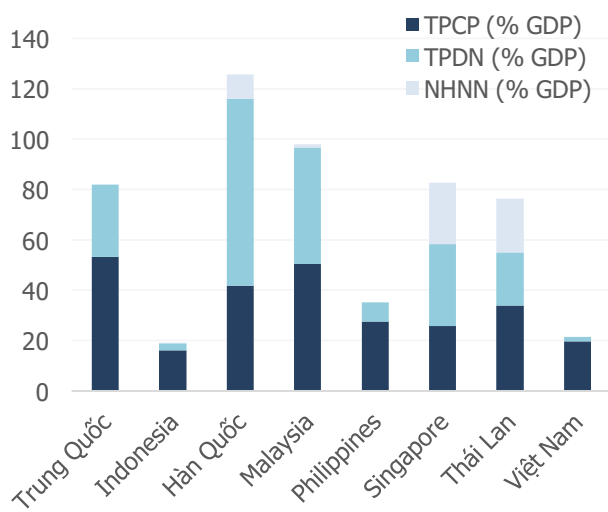
Các doanh nghiệp chứng khoán huy động 5,1 nghìn tỷ thông qua hình thức phát hành trái phiếu 06 tháng đầu năm, với lãi suất coupon từ 8% - 11,3%, kỳ hạn phổ biến từ 1 – 3 năm. Vndirect dẫn đầu với 1.460 tỷ đồng trái phiếu phát hành, kỳ hạn từ 1-3 năm, lãi suất 9,5% - 11,3%/năm, trong đó 660 tỷ đồng là trái phiếu chuyển đổi.

Hình 18. Quy mô thị trường trái phiếu Việt Nam



Nguồn: ADB, MBS.

Hình 20. Quy mô các thị trường trái phiếu



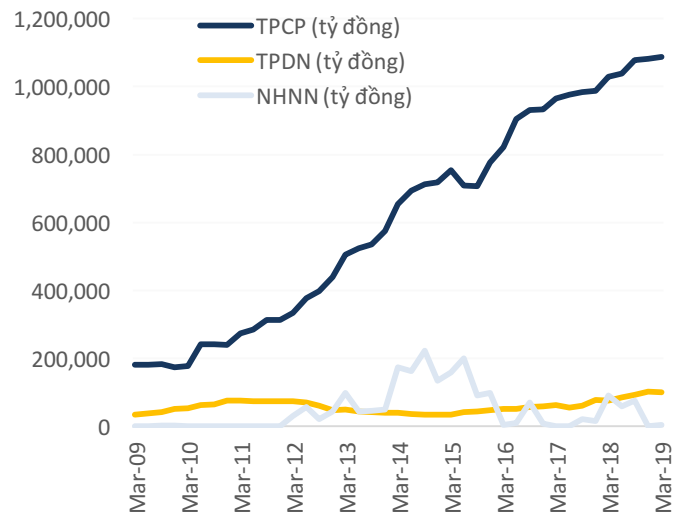
Nguồn: ADB, MBS.

Hình 19. Dư nợ trái phiếu đến Q1/2019

| Tỷ đồng | Dư nợ | % Tổng dư nợ |
|----------------------|------------------|--------------|
| TPCP | 919.151 | 77% |
| Tín phiếu NHNN | 4.900 | 0,4% |
| TP CPBL | 168.177 | 14% |
| TPDN | 100.731 | 8% |
| Tổng dư nợ TP | 1.192.959 | 100% |

Nguồn: ADB, MBS.

Hình 21. Dư nợ thị trường trái phiếu Việt Nam từ 2009



Nguồn: ADB, MBS.

Hình 22. Phát hành TPDN từ đầu năm 2019

| Tổ chức phát hành | Ngày phát hành/ Công bố TT | Kỳ hạn | Giá trị (tỷ đồng) | Lãi suất coupon (năm) | Loại coupon | Kỳ hạn trả lãi | Ghi chú |
|-------------------------|-------------------------------|----------|-------------------|-----------------------|---|----------------|---|
| Ngân Hàng | | | 18.200 | | | | |
| OCB | 29/05/2019 | 3 Năm | 300 | 7% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 24-30/05/2019 | 3 Năm | 1.600 | 6,4%-6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 20-22/05/2019 | 3 Năm | 1.200 | 6,4-6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 16/05/2019 | 3 Năm | 500 | 6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 13/5/2019 | 3 Năm | 500 | 6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 9/5/2019 | 3 Năm | 500 | 6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 6/5/2019 | 3 Năm | 400 | 6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VPB | 18/04/2019 | 3 Năm | 500 | 6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | Mua lại trước hạn |
| VPB | 16/04/2019 | 3 Năm | 500 | 6,4 – 6,7% | Cố định | 12 tháng/lần | Mua lại trước hạn |
| VPB | 10/4/2019 | 3 Năm | 200 | 6,4% | Cố định | 12 tháng/lần | Mua lại trước hạn |
| BAB | 20/05/2019 | 3 Năm | 300 | 6,5% | Cố định | 12 tháng/lần | Put & call option |
| BAB | 15/05/2019 | 2 Năm | 500 | 6,5% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| HDB | 28/05/2019 | 3 Năm | 1.000 | 6,3% | Cố định | 12 tháng/lần | Mua lại trước hạn |
| HDB | 14/05/2019 | 3 Năm | 900 | 6,3-6,9% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| HDB | 22/04/2019 | 2-3N | 1.100 | 6,3-6,8% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| VIB | 15/05/2019 | 5 Năm | 100 | 8,83% | Thả nổi: 2% + LSTC | 12 tháng/lần | |
| Seabank | 9/5/2019 | 2-3N | 2.250 | 7,1-7,3% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| LPB | 25/04/2019 | 2 Năm | 1.000 | 6,7% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| ABB | 25/04/2019 | 3 Năm | 2.500 | 7,0% | Thả nổi | 12 tháng/lần | |
| ACB | 22/04/2019 | 3 Năm | 2.350 | 6,8% | Cố định | 12 tháng/lần | |
| BDS, XD, Hạ Tầng | | | 16.230 | | | | |
| IJC | 31/05/2019 | 5 Năm | 500 | 10,5% | 4 kỳ đầu: 10,5%. Các kỳ sau thả nổi: 3,5% + LSTC | 3 tháng/lần | TSDB: Quyền sử dụng đất Becamex Bình Phước 1.031ha |
| KDH | 21/05/2019 | 2 Năm | 450 | 12,0% | | 6 tháng/lần | |
| KDH | 03/05/2019 | 2 Năm | 450 | 12,0% | | 6 tháng/lần | |
| PDR | 20/05/2019 | 5 Năm | 550 | 10,5% | | | |
| PDR | 14/05/2019 | 1 Năm | 100 | 12,0% | | 6 tháng/lần | |
| PDR | 18/03/2019 | 1 Năm | 200 | 14,5% | | | |
| NVL | 14/05/2019 | 1 Năm | 200 | 11,0% | | 6 tháng/lần | Có TSDB |
| NVL | 29/03/2019 | 1 Năm | 200 | 10,8% | | 6 tháng/lần | Có TSDB |
| HDG | 15/05/2019 | 2 Năm | 250 | 10,5% | LS = 3,7% + LSHĐ 12 tháng | | Có TSDB |
| VPI | 9/5/2019 | 31 tháng | 800 | 12,0% | Thả nổi. Kỳ tính lãi đầu: 12%. Các kỳ sau: 4,3% + LSHĐ VPB 12 tháng | 6 tháng/lần | Có TSDB |
| VPI | 09/04/2019 | 3 Năm | 80 | 12,0% | | 6 tháng/lần | |
| VPI | 22/03/2019 | 2 Năm | 200 | 9,5% | | 6 tháng/lần | |
| CTCP DV Newco | 2/5/2019 | 18 tháng | 1.500 | 10,35% | | 3 tháng/lần | TSDB: 26tr cổ phiếu VIC vốn 1250 tỷ tại cty NewVision |
| TNR Holdings | 30/04/2019 | 2 Năm | 494 | 9,5% | | 12 tháng/lần | |
| TNR Holdings | 28/01/2019 | 2 Năm | 497 | 9,5% | | 12 tháng/lần | |
| FLC | 26/04/2019 | 2 Năm | 300 | 11,3% | 4 kỳ đầu: 11,3%/năm. Các kỳ sau: 4% + LSTC | 3 tháng/lần | Có TSDB |
| CTI | 24/04/2019 | 2 Năm | 80 | 10,0% | Thả nổi. Năm thứ 2: 3,3%+LSTC | 6 tháng/lần | |
| CTI | 08/04/2019 | 2 Năm | 80 | 10,0% | | 6 tháng/lần | |
| DIG | 24/04/2019 | 5 Năm | 0.1 | 5,0% | | | |
| MBLand Tonkin | 23/04/2019 | 3 Năm | 400 | 10,2% | Kỳ đầu: 10,2%. Các kỳ sau: 3,5% + LSTC | 12 tháng/lần | TSDB: quyền sử dụng đất |
| VPL | 22/04/2019 | 5 Năm | 1.000 | 10,5% | 2 kỳ đầu: 10,5%. Các kỳ sau: 4,5% + LSTC | 3 tháng/lần | TP chuyển đổi, không có TSDB |
| VPL | 17/04/2019 | 5 Năm | 1.000 | 10,5% | 2 kỳ đầu: 10,5%. Các kỳ sau: 4,5% + LSTC | 3 tháng/lần | |
| BDS Vạn Phát | 22/04/2019 | 4 Năm | 380 | 10,0% | 4 kỳ đầu: 10%. Các kỳ sau: 3,5% + LSHĐ MB 12 tháng | 3 tháng/lần | TSDB: cổ phiếu NVL |

| | | | | | | | |
|--------------------|------------|--------|-------|-------|------------------------------------|--------------|-----------------------|
| KBC | 22/04/2019 | 2 Năm | 200 | 10,5% | | 6 tháng/lần | |
| HQC | 20/04/2019 | 5 Năm | 1.000 | 0,0% | | | TP Chuyển đổi |
| BOT | 16/04/2019 | | 2.000 | 0,0% | | | |
| CTCP Thương mại XD | 28/03/2019 | 7 Năm | 1.100 | 9,8% | 4 kỳ đầu: 9.8%. Các kỳ sau thả nổi | 3 tháng/lần | Có TSDB |
| TCH | 22/03/2019 | 3 Năm | 599 | 5,0% | | 3 tháng/lần | TP chuyển đổi có TSDB |
| FCN | 18/03/2019 | 2 Năm | 100 | 0,0% | | | |
| CII | 18/03/2019 | 10 Năm | 1.150 | 7,2% | | | |
| CII | 11/02/2019 | 3 Năm | 370 | 9,5% | | 12 tháng/lần | |
| CII | 02/01/2019 | 2 Năm | 200 | 0,0% | | | |
| VCR | 01/03/2019 | 2 Năm | 300 | 11,0% | | | TP Chuyển đổi |

Chứng khoán **5.089**

| | | | | | | | |
|-----|------------|----------|-----|--------|--|--------------|---------------|
| VPS | 6/6/2019 | 2 Năm | 150 | 9% | Cố định kỳ đầu. Kỳ sau thả nổi biên lãi 2,3% | 6 tháng/lần | |
| VND | 22/05/2019 | 2 Năm | 300 | 9,5% | | 12 tháng/lần | |
| VND | 6/5/2019 | 1 Năm | 500 | 11,3% | 4 kỳ đầu: 11,3%/năm. Các kỳ sau: 4% + LSTC | 3 tháng/lần | |
| VND | 18/04/2019 | 3 Năm | 660 | 10,0% | | | TP Chuyển đổi |
| MBS | 21/5/2019 | 1 Năm | 150 | 8,0% | Cố định | 6 tháng/lần | |
| MBS | 17/04/2019 | 3 Năm | 200 | 0,0% | | | |
| VDS | 15/05/2019 | 1 Năm | 600 | 9,5% | | | |
| BSI | 20/04/2019 | 1 Năm | 500 | 10,0% | | 12 tháng/lần | |
| TVB | 16/04/2019 | 3 Năm | 80 | 10,53% | | | |
| EVS | 02/04/2019 | 13 Tháng | 200 | 10,0% | | | |
| SHS | 21/03/2019 | 2 Năm | 700 | 8,8% | | 6 tháng/lần | |
| VDS | 01/03/2019 | 1 Năm | 499 | 9,5% | | | |
| VCI | 15/01/2019 | 2 Năm | 500 | 0,0% | | | |
| TVB | 09/01/2019 | 2 Năm | 50 | 10,5% | | | |

Khác **15.027**

| | | | | | | | |
|--|------------------|------------------|-------|---------------|--|--------------|--|
| CTCP Gami Hội An | 12/6/2019 | 15, 23, 30 Tháng | 650 | 10,45 - 11,5% | Cố định/Thả nổi: LSTC + 4/4,5% | | |
| Sovico Holdings | 29/05 - 6/6/2019 | 3 Năm | 300 | 11% | Cố định | 6 tháng/lần | |
| CTY Tư vấn đầu tư Vũ Thái | 3/6/2019 | 1 Năm | 18 | 8% | Cố định | 6 tháng/lần | |
| Cty khai thác khoáng sản Núi Pháo | 27-29/05/2019 | 3 Năm | 1000 | 10-10,2% | 2 kỳ đầu: 10%. Thả nổi: 3,1%-3,3% + LSTC | 6 tháng/lần | TSDB: cổ phiếu MSR |
| CTCP Cáp treo Bà Nà | 29/05/2019 | 7 Năm | 600 | 10,3% | 4 kỳ đầu cố định. Thả nổi: 3,6% + LSTC | 3 tháng/lần | |
| PQC Convention | 29/05/2019 | 6 Năm | 180 | 9,5% | Năm đầu: 9,5%/năm. Kỳ sau: 2,6% + LSTC | 1 tháng/lần | Có TSDB |
| MSR | 28/05/2019 | 5 Năm | 500 | 10,2% | 2 kỳ đầu: 10,2%. Thả nổi: 3,3% + LSTC | | TSDB: cổ phiếu MSR |
| MSR | 17/01/2019 | 5 Năm | 1.500 | 10,0% | | 6 tháng/lần | |
| CTCP Điện mặt trời VSP Bình Thuận II | 23/05/2019 | 7 Năm | 230 | 10,5% | 4 kỳ đầu, LS coupon=3,5% + LSHĐ 24 tháng của MB | 3 tháng/lần | Có TSDB |
| CTCP Thương mại đầu tư sản xuất HN | 22/05/2019 | 42 Tháng | 600 | 11,75% | Năm đầu: 11,75%/năm. Kỳ tiếp theo: 4,25% + LSHĐ 12T của Pvccombank | 3 tháng/lần | |
| CTCP Đầu tư và phát triển du lịch Phú Quốc | 20-22/05/2019 | 3 Năm | 700 | 10,0% | 1 năm đầu: 10%/năm. Sau đó: 4% + LSHĐ 12 tháng | 3 tháng/lần | TSDB: cổ phiếu VHM, bảo lãnh thanh toán bởi Vinpearl, TCPH được quyền mua lại sau 12 tháng |
| NSC | 14/05/2019 | 1 Năm | 100 | 9,0% | | 12 tháng/lần | |
| TTC Edu | 9/5/2019 | 3 Năm | 300 | 0,0% | | | TP chuyển đổi: 32.000 đồng/cổ phần |
| SBT | 26/04/2019 | 1 Năm | 500 | 10,5% | | | |
| DGW | 25/04/2019 | | 150 | 0,0% | | | |
| VPD | 25/04/2019 | 1 Năm | 200 | 9,5% | | 6 tháng/lần | |

| | | | | | | |
|-----|------------|---------|-------|-------|---------|--------------|
| GIL | 21/04/2019 | | 100 | 0,0% | | |
| PC1 | 11/04/2019 | 10 Năm | 1.280 | 0,0% | | |
| SAM | 11/04/2019 | 1 Năm | 100 | 10,0% | | 6 tháng/lần |
| VHE | 06/04/2019 | 3 Năm | 100 | 0,0% | | |
| HSG | 04/04/2019 | 2 Năm | 500 | 0,0% | | |
| CMG | 14/03/2019 | 5 Năm | 300 | 8,8% | | 6 tháng/lần |
| DNP | 13/03/2019 | 6 Năm | 457 | 5,0% | | |
| DNP | 5/2/2019 | 4-6 Năm | 457 | 5,0% | Cố định | Có TSDB |
| TTB | 13/03/2019 | 3 Năm | 300 | 10,5% | | 12 tháng/lần |
| HEM | 01/02/2019 | 1 Năm | 200 | 11,0% | | 6 tháng/lần |
| THI | 31/01/2019 | 3 Năm | 550 | 10,5% | | 6 tháng/lần |
| REE | 22/01/2019 | 10 Năm | 2.320 | 7,3% | | |
| KOS | 02/01/2019 | 3 Năm | 235 | 0,0% | | |

Tổng

55.337

Nguồn: HNX, StoxPlus, MBS.

SẢN PHẨM

Sản phẩm này được phát hành hàng tuần, tập trung vào các vấn đề của thị trường trái phiếu Việt Nam. Trong báo cáo này, chúng tôi gắn kết các thông tin kinh tế vĩ mô và sự thay đổi của thị trường tiền tệ với thị trường trái phiếu. MBS phát hành báo cáo này, nhưng những sai sót nếu có thuộc về tác giả. Chúng tôi cảm ơn khách hàng đã đọc và gửi phản hồi về các sản phẩm của chúng tôi.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU

Chúng tôi cung cấp các nghiên cứu kinh tế và cổ phiếu. Bộ phận nghiên cứu kinh tế đưa ra các báo cáo định kỳ về các vấn đề kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ và thị trường trái phiếu. Bộ phận nghiên cứu cổ phiếu chịu trách nhiệm các báo cáo về công ty niêm yết, báo cáo công ty tiềm năng và báo cáo ngành. TT Nghiên Cứu cũng đưa ra các bình luận và nhận định về thị trường thông qua bản tin là The Investor Daily.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm không ngừng phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam cung cấp các dịch vụ bao gồm: môi giới, nghiên cứu và tư vấn đầu tư, nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, và các nghiệp vụ thị trường vốn. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của MBS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm như Hà Nội, TP. HCM, Hải Phòng và các vùng chiến lược khác. Khách hàng của MBS bao gồm các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức, các tổ chức tài chính và doanh nghiệp. Là thành viên Tập đoàn MB bao gồm các công ty thành viên như: Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital), Công ty CP Địa ốc MB (MB Land), Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản MB (AMC) và Công ty CP Việt R.E.M.A.X (Viet R.E.M), MBS có nguồn lực lớn về con người, tài chính và công nghệ để có thể cung cấp cho Khách hàng các sản phẩm và dịch vụ phù hợp mà rất ít các công ty chứng khoán khác có thể cung cấp.

MBS tự hào được nhìn nhận là

- Công ty môi giới hàng đầu, đứng đầu về thị phần môi giới từ năm 2009;
- Công ty nghiên cứu có tiếng nói trên thị trường với đội ngũ chuyên gia phân tích có kinh nghiệm, cung cấp các sản phẩm nghiên cứu về kinh tế và thị trường chứng khoán; và
- Nhà cung cấp đáng tin cậy các dịch vụ về nghiệp vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty quy mô vừa.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
ĐT: + 84 4 3726 2600 - Fax: +84 3726 2601
Website: www.mbs.com.vn

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.